

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số bản án: 134/2017/DS-ST.
Ngày: 29/11/2017.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM

- THnh phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm: Ông Từ Xuân Tiếng.

Ông Châu Thanh Trung.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần THnh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Bà Châu Thị Thu H, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Châu Thị Thu H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T theo văn bản ủy quyền ngày 29/05/2017.

Các đương sự có mặt tại Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Do quen biết với nhau nên bà có cho vợ chồng bà H, ông T vay một số tiền để ông, bà chăn nuôi heo, cụ thể là:

Lần 1: ngày 03/9/2011 âm lịch, bà H vay của bà 5.000.000 đồng. Vì thấy số tiền không nhiều và nghĩ tình quen biết lâu năm nên bà không yêu cầu bà H viết giấy nợ và không lấy lãi.

Lần 2: ngày 07/11/2011 âm lịch, bà H tiếp tục vay 10.000.000 đồng. Lúc này, bà có làm giấy nợ ghi bà H có vay tiền của bà 02 lần vào ngày 03/9/2011 âm lịch là 5.000.000 đồng và ngày 07/11/2011 âm lịch là 10.000.000 đồng. Bà H đồng ý với điều này và kí tên vào giấy nợ.

Lần 3: ngày 03/11/2011 âm lịch, bà H lại vay của bà 5.000.000 đồng. Vì bà hứa là vay để trả tiền thức ăn chăn nuôi rồi đến đợt bán heo sắp tới thì bà sẽ trả hết số tiền mà bà đã vay cho bà. Lúc này, bà có ghi nhận vào tờ giấy mượn tiền của 02 khoản vay kể trên là bà H có vay của bà 5.000.000 đồng vào ngày 03/11/2011 âm lịch và tính tổng cộng số tiền của 03 lần vay trên là 20.000.000 đồng. Bà H đồng ý với số tiền này và kí tên.

Ngoài ra, trước đó, bà H có chơi hụi do bà làm chủ hụi và bà H có nợ bà một số tiền hụi vẫn chưa trả được nên bà có cho bà H vay một số tiền để đóng tiền hụi. Ngày 15/3/2012 âm lịch, hai bên mới tổng kết và đồng ý với nhau là số tiền mà bà H còn nợ bà để đóng tiền hụi là 38.000.000 đồng nên bà đã ghi nhận vào tờ giấy nợ đối với các khoản vay trên.

Vậy tổng số tiền mà bà H còn nợ bà là 58.000.000 đồng. Bà H hứa sẽ trả dần cho bà nhưng cho đến nay bà H vẫn không trả được lần nào mà cứ hẹn lần hẹn lượt.

Vì vậy, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Châu Thị Thu H cùng chồng là ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền còn nợ gốc là 58.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị P có yêu cầu xin rút yêu cầu tính lãi với số tiền lãi 26.100.000 đồng.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T thừa nhận là vợ chồng ông có vay mượn số tiền của bà P 03 lần như bà P trình bày, thời gian thì ông không nhớ chính xác khi nào. Tổng cộng số tiền của vợ chồng ông vay của bà P là 20.000.000 đồng. Ông đồng ý cùng vợ liên đới trả số tiền này cho bà P. Tuy nhiên, do hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn vợ ông phải đi làm ăn xa không có khả năng trả một lần cho bà P nên ông T có yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với khoảng tiền chơi hụi mà bà P yêu cầu vợ chồng ông phải trả là 38.000.000 đồng, ông T không đồng ý. Việc vợ ông có chơi hụi với bà P hay không ông không được biết. Đối với chữ ký trong giấy cam kết mượn tiền mà bà P đã nộp cho Tòa án ông khẳng định không phải là chữ ký của bà H do đó ông và bà H không đồng ý trả cho bà P khoảng tiền này. Về lãi suất mà bà P yêu cầu thì ông T xin không trả vì hiện tại hoàn cảnh gia đình ông rất khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành thụ lý giải quyết vụ án. Bà Châu Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản ủy quyền ngày 29/5/2017 cho ông Nguyễn Văn T. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vụ án làm đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

[1] Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu bà Châu Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà số tiền 84.100.000đồng trong đó gồm 20.000.000đồng tiền vay, 38.000.000đồng tiền hui và 26.100.000 tiền lãi phát sinh. Chứng cứ mà bà P khởi kiện là giấy cam kết mượn tiền (BL số 03), các giấy ghi hui (BL 41-47) mà bà P đã giao nộp cho Tòa án. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải người đại diện theo ủy quyền của bà Châu Thị Thu H và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T thừa nhận ông và bà H có vay của bà P số tiền 20.000.000 đồng. Ông T thừa nhận chữ ký “H” trong giấy cam kết mượn tiền của bà P là của bà H. Ông T tự nguyện liên đới cùng bà H trả cho bà P số tiền nợ 20.000.000đồng Do đó, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì sự việc này không cần phải chứng minh.

[2] Đối với số tiền 38.000.000đồng mà bà P cho rằng đây là tiền mà bà P cho bà H vay để đóng hui chết mà bà H còn nợ bà. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị P chỉ căn cứ vào các giấy ghi hui có chữ ký “H” để khởi kiện bà H. Người đại diện theo ủy quyền của bà H không đồng ý với yêu cầu này của bà P đồng thời không thừa nhận việc bà H có chơi hui và nợ tiền hui chết của bà P. Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2017 bà Nguyễn Thị P trình bày vào ngày 15/3/2012 thì bà và em dâu của bà H tiến hành tổng kết nợ hui. Không có tài liệu, chứng cứ nào chứng khác chứng minh bà P và bà H, ông T có tiến hành tổng kết nợ hui chết hay thể hiện việc bà H có nợ bà P số tiền 38.000.000 đồng. Mặc khác, bà Nguyễn Thị P cũng không có yêu cầu giám định chữ ký “H” trên các giấy ghi hui, mà bà cung cấp cho Tòa án. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu buộc bà Châu Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hui chết là 38.000.000đồng.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền 58.000.000đồng theo đơn khởi kiện của bà P thì bà Nguyễn Thị P tự nguyện xin rút yêu cầu này nên căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần đối với số tiền 20.000.000 đồng nên bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận được tính như sau: $38.000.000 \times 5\% = 1.900.000$ đồng.

Bà Châu Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính như sau: $20.000.000 \text{đồng} \times 5\% = 1.000.000$ đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 288, khoản 2 Điều 357, 466, Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Cụ thể tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Châu Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa trả số tiền như bản án tuyên, thì ngoài việc phải trả còn phải chịu thêm phần lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 1.900.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 2.102.500đồng theo biên lai thu số 0011019 ngày 08/5/2017. Bà Nguyễn Thị P được hoàn lại 202.500đồng (Hai trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng).

Bà Châu Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm.
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Đào Chí Cường

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm.
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Chí Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bé

Lê Văn Cảnh

Phạm Minh Tâm

